



Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh  
**TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI**

**DANH SÁCH HỌC SINH  
NĂM HỌC 2023 - 2024**

**LỚP: 12A01**

| STT | Lớp   | Họ và lót          | Tên    | Nữ | Nơi sinh              |
|-----|-------|--------------------|--------|----|-----------------------|
| 1   | 12A01 | Lê Trần Bảo        | Anh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 2   | 12A01 | Lê Nguyễn Nhật     | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 3   | 12A01 | Phạm Lê Thạch      | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4   | 12A01 | Võ Ngọc Quế        | Chi    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 5   | 12A01 | Nguyễn Lê Hương    | Giang  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6   | 12A01 | Thái Thu           | Hà     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 7   | 12A01 | Phan Nhật          | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 8   | 12A01 | Cao Võ Phương      | Khánh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 9   | 12A01 | Hồ Quốc            | Khánh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 10  | 12A01 | Nguyễn Tuấn        | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11  | 12A01 | Nguyễn Tùng        | Lâm    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 12  | 12A01 | Hoàng Ngọc         | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 13  | 12A01 | Phí Xuân           | Nghi   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 14  | 12A01 | Nguyễn Thảo        | Nguyên | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 15  | 12A01 | Nguyễn Hoàng Bảo   | Nhi    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 16  | 12A01 | Nguyễn Phước Huỳnh | Như    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 17  | 12A01 | Nguyễn Hoàng       | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 18  | 12A01 | Võ Thành           | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 19  | 12A01 | Nguyễn Ngọc Thanh  | Phương | x  | Bình Dương            |
| 20  | 12A01 | Đỗ                 | Quỳnh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 21  | 12A01 | Trần Lê Thủy       | Tiên   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 22  | 12A01 | Châu Nhật          | Tiến   |    | Cà Mau                |
| 23  | 12A01 | Phan Khánh         | Toàn   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 24  | 12A01 | Phạm Huỳnh         | Tú     |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 25  | 12A01 | Nguyễn La Mỹ       | Uyên   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 26  | 12A01 | Trần Thảo          | Uyên   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 27  | 12A01 | Lê Trịnh Khánh     | Vân    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 28  | 12A01 | Giang Sơn Hùng     | Vĩ     |    | Thành phố Hồ Chí Minh |

| STT | Lớp     | Họ và lót          | Tên    | Nữ | Nơi sinh              |
|-----|---------|--------------------|--------|----|-----------------------|
| 1   | ★ 12A02 | Lê Nguyễn Minh     | Anh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 2   | 12A02   | Lê Đông            | Ân     |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 3   | 12A02   | Tạ Lê Bảo          | Châu   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4   | 12A02   | Lê Trần Phương     | Di     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 5   | 12A02   | Lê Thị Thuỳ        | Dương  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6   | 12A02   | Nguyễn Ngọc Thùy   | Dương  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 7   | 12A02   | Lê Nguyễn Ngân     | Hà     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 8   | 12A02   | Lê Phương          | Hà     | x  | Đắk Lắk               |
| 9   | 12A02   | Bùi Thúy           | Hằng   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 10  | 12A02   | Nguyễn Lâm Minh    | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11  | 12A02   | Dương Diệp         | Ken    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 12  | 12A02   | Mai Đăng           | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 13  | 12A02   | Lâm Tú             | Lan    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 14  | 12A02   | Trần Khánh         | Linh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 15  | 12A02   | Nguyễn Hoàng       | Long   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 16  | 12A02   | Đặng Ngọc          | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 17  | 12A02   | Đinh Nguyễn Kim    | Ngân   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 18  | 12A02   | Đào Phương         | Nghi   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 19  | 12A02   | Trần Lý Thành      | Nhân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 20  | 12A02   | Nguyễn Xuân Yển    | Nhi    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 21  | 12A02   | Lâm Hà Quỳnh       | Như    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 22  | 12A02   | Nguyễn Xuân Yển    | Như    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 23  | 12A02   | Đặng Võ Minh       | Nhựt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 24  | 12A02   | Nguyễn Hoàng Thanh | Phú    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 25  | 12A02   | Lương Khuê Nam     | Phương | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 26  | 12A02   | Nguyễn Lê Nam      | Phương | x  | Thừa Thiên Huế        |
| 27  | 12A02   | Đinh Trần          | Thụy   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 28  | 12A02   | Nghiêm Đỗ Anh      | Thư    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 29  | 12A02   | Trần Ngọc Anh      | Thư    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 30  | 12A02   | Nguyễn Trần Minh   | Thư    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 31  | 12A02   | Cao Nguyên         | Tiến   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 32  | 12A02   | Nguyễn Hoàng       | Trí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 33  | 12A02   | Phạm Phúc          | Trí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 34  | 12A02   | Huỳnh Thanh        | Trúc   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 35  | 12A02   | Võ Thụy Hoàng      | Yển    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |



Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh  
**TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI**

**DANH SÁCH HỌC SINH  
NĂM HỌC 2023 - 2024**

**LỚP: 12A03**

| STT | Lớp   | Họ và lót          | Tên    | Nữ | Nơi sinh              |
|-----|-------|--------------------|--------|----|-----------------------|
| 1   | 12A03 | Trần Bảo           | An     |    | Hà Nội                |
| 2   | 12A03 | Trịnh Kim Mỹ       | Anh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 3   | 12A03 | Dương Ngọc         | Anh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4   | 12A03 | Bùi Đức Ngọc       | Anh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 5   | 12A03 | Nguyễn Vũ Ngọc     | Anh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6   | 12A03 | Đặng Hồng Thiên    | Ân     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 7   | 12A03 | Trần Việt Quốc     | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 8   | 12A03 | Nguyễn Trọng       | Danh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 9   | 12A03 | Nguyễn Trần Trúc   | Doanh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 10  | 12A03 | Trần               | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11  | 12A03 | Nguyễn Ngọc Gia    | Hân    | x  | Cần Thơ               |
| 12  | 12A03 | Trần Gia           | Hân    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 13  | 12A03 | Võ Cao             | Hùng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 14  | 12A03 | Ngô Thu            | Hương  | x  | Đắk Lắk               |
| 15  | 12A03 | Vũ Tuấn            | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 16  | 12A03 | Đào Quang          | Khiêm  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 17  | 12A03 | Nguyễn Ngọc Tường  | Khuê   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 18  | 12A03 | Nguyễn Lại Hoàng   | Khuong |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 19  | 12A03 | Nguyễn Trần Ánh    | Linh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 20  | 12A03 | Nguyễn Khánh       | Linh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 21  | 12A03 | Bùi Mỹ             | Linh   | x  | Nhật Bản              |
| 22  | 12A03 | Phan Võ Ngọc       | Linh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 23  | 12A03 | Nguyễn Ngọc        | Mai    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 24  | 12A03 | Lâm Tuấn           | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 25  | 12A03 | Nguyễn Ngọc Thảo   | My     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 26  | 12A03 | Lê Ngọc Kim        | Ngân   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 27  | 12A03 | Nguyễn Ngọc Phương | Ngân   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 28  | 12A03 | Đặng Huỳnh Xuân    | Nghi   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 29  | 12A03 | Đặng Nguyễn Bích   | Ngọc   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 30  | 12A03 | Lê Nguyễn Xuân     | Nhi    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 31  | 12A03 | Trương Tuệ         | Quân   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 32  | 12A03 | Tô Nhật Xuân       | Quỳnh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 33  | 12A03 | Hồ Nguyễn Hoàng    | Thư    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 34  | 12A03 | Phan Vũ Minh       | Thy    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 35  | 12A03 | Lê Hoàng Thanh     | Trúc   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 36  | 12A03 | Đặng Trường        | Vũ     |    | An Giang              |
| 37  | 12A03 | Lê Hồ Thảo         | Vy     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 38  | 12A03 | Nguyễn Lê Như      | Ý      | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |



Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh  
**TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI**

**DANH SÁCH HỌC SINH**  
**NĂM HỌC 2023 - 2024**

**LỚP: 12A04**

| STT | Lớp   | Họ và lót         | Tên   | Nữ | Nơi sinh              |
|-----|-------|-------------------|-------|----|-----------------------|
| 1   | 12A04 | Nguyễn Lê Hoài    | An    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 2   | 12A04 | Nguyễn Thuý       | An    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 3   | 12A04 | Phan Lê Mỹ        | Anh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4   | 12A04 | Nguyễn Hà Quỳnh   | Anh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 5   | 12A04 | Phạm Thùy Minh    | Giang | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6   | 12A04 | Cáp Phạm Thiên    | Hương | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 7   | 12A04 | Trần Lê Minh      | Khang |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 8   | 12A04 | Nguyễn Ngọc       | Khánh | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 9   | 12A04 | Phan Bảo Tiến     | Khoa  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 10  | 12A04 | Hà Thực Ái        | Linh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11  | 12A04 | Phan Phương       | Linh  | x  | Hà Nội                |
| 12  | 12A04 | Võ Trần Phương    | Linh  | x  | Thừa Thiên Huế        |
| 13  | 12A04 | Phạm Bùi Tùng     | Loan  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 14  | 12A04 | Giáp Thanh        | Mai   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 15  | 12A04 | Tăng Ngọc Tuyết   | Mai   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 16  | 12A04 | Hoàng Thụy Ngọc   | Minh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 17  | 12A04 | Trần Lê Quang     | Minh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 18  | 12A04 | Trần Huỳnh Kim    | Ngân  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 19  | 12A04 | Nguyễn Yến        | Ngọc  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 20  | 12A04 | Cầm Quỳnh         | Nhi   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 21  | 12A04 | Đoàn Phan Như     | Quỳnh | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 22  | 12A04 | Nguyễn Lê Xuân    | Quỳnh | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 23  | 12A04 | Lương Nguyễn Minh | Tâm   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 24  | 12A04 | Trần Ngọc Anh     | Thư   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 25  | 12A04 | Nguyễn Cao Cát    | Tiên  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 26  | 12A04 | Trương Ngọc Mỹ    | Trân  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 27  | 12A04 | Dương Thái Phương | Tường |    | Đồng Tháp             |
| 28  | 12A04 | Nguyễn Ngọc Duy   | Uyên  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 29  | 12A04 | Trần Phương       | Uyên  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 30  | 12A04 | Trần Quốc Khánh   | Vy    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 31  | 12A04 | Nguyễn Tường      | Vy    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 32  | 12A04 | Phan Lê Như       | Ý     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 33  | 12A04 | Lê Phạm Hồng      | Yến   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |



Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh  
**TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI**

**DANH SÁCH HỌC SINH  
NĂM HỌC 2023 - 2024**

**LỚP: 12A05**

| STT | Lớp   | Họ và lót          | Tên    | Nữ | Nơi sinh              |
|-----|-------|--------------------|--------|----|-----------------------|
| 1   | 12A05 | Phạm Ngọc          | Anh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 2   | 12A05 | Trần Ngọc Quỳnh    | Anh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 3   | 12A05 | Nguyễn Minh        | Ánh    | x  | Đồng Nai              |
| 4   | 12A05 | Phan Thiên         | Ân     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 5   | 12A05 | Phạm Võ Ngọc       | Bích   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6   | 12A05 | Trần Phương        | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 7   | 12A05 | Nguyễn Lê Gia      | Hân    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 8   | 12A05 | Hồ Lê              | Hoàng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 9   | 12A05 | Bùi Ngọc Minh      | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 10  | 12A05 | Nguyễn Thịnh       | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11  | 12A05 | Trần Nguyễn Phương | Khanh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 12  | 12A05 | Đào Ngọc           | Khánh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 13  | 12A05 | Nguyễn Đức         | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 14  | 12A05 | Lê Chí Việt        | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 15  | 12A05 | Hoàng Khánh        | Linh   | x  | Tp. Hồ Chí Minh       |
| 16  | 12A05 | Nguyễn Khánh       | Linh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 17  | 12A05 | Nguyễn Đức         | Long   |    | Hà Nội                |
| 18  | 12A05 | Trần Cao Anh       | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 19  | 12A05 | Đoàn Nữ Nguyệt     | Minh   | x  | Hà Nội                |
| 20  | 12A05 | Huỳnh Lê Khánh     | Ngân   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 21  | 12A05 | Nguyễn Thanh       | Ngọc   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 22  | 12A05 | Phạm Châu Yến      | Ngọc   | x  |                       |
| 23  | 12A05 | Nguyễn Lê Hoàng    | Nguyên | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 24  | 12A05 | Vũ Đức Thiện       | Nhân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 25  | 12A05 | Ngô Hoàng Khả      | Nhi    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 26  | 12A05 | Nguyễn Tất Phương  | Nhi    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 27  | 12A05 | Nguyễn Gia         | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 28  | 12A05 | Nguyễn Hải         | Phương | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 29  | 12A05 | Tạ Phương          | Quỳnh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 30  | 12A05 | Sindyka De         | Silva  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 31  | 12A05 | Hoàng Trọng        | Tấn    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 32  | 12A05 | Phan Kim           | Thư    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 33  | 12A05 | Nguyễn Trần Minh   | Thư    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 34  | 12A05 | Cao Hoàng Thanh    | Thy    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 35  | 12A05 | Huỳnh Thủy         | Tiên   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 36  | 12A05 | Đặng Nguyễn Quỳnh  | Trang  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 37  | 12A05 | Chu Gia Bảo        | Trân   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 38  | 12A05 | Hoàng Minh         | Trí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 39  | 12A05 | Bùi Hoàng          | Vĩ     |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 40  | 12A05 | Hoàng Đôn Xuân     | Vinh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 41  | 12A05 | Lê Hoàng           | Vy     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 42  | 12A05 | Hoàng Kim Như      | Ý      | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 43  | 12A05 | Nguyễn Hoàng       | Yến    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |



Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh  
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

**DANH SÁCH HỌC SINH  
NĂM HỌC 2023 - 2024**

**LỚP: 12A06**

| STT | Lớp   | Họ và lót             | Tên    | Nữ | Nơi sinh              |
|-----|-------|-----------------------|--------|----|-----------------------|
| 1   | 12A06 | Bùi Ngọc Tâm          | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 2   | 12A06 | Nguyễn Hoàng          | Anh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 3   | 12A06 | Lê Cao Thy            | Anh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4   | 12A06 | Nguyễn Ngọc           | Ánh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 5   | 12A06 | Phạm Gia              | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6   | 12A06 | Tạ Bội                | Dinh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 7   | 12A06 | Nguyễn Cao Hạnh       | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 8   | 12A06 | Trần Bội              | Hoàn   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 9   | 12A06 | Trần Minh             | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 10  | 12A06 | Nguyễn Hoàng Gia Việt | Hung   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11  | 12A06 | Lê Đăng               | Khải   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 12  | 12A06 | Vũ Phạm Nguyên        | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 13  | 12A06 | Nguyễn Phúc           | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 14  | 12A06 | Ngô Hồng              | Khánh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 15  | 12A06 | Nguyễn Minh           | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 16  | 12A06 | Nguyễn Kim Minh       | Khuê   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 17  | 12A06 | Võ Tuấn               | Kiệt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 18  | 12A06 | Nguyễn                | Lân    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 19  | 12A06 | Phan Hoàng Khánh      | Linh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 20  | 12A06 | Vương Hà Ngọc         | Linh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 21  | 12A06 | Trần Anh Ngọc         | Mai    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 22  | 12A06 | Nguyễn Hoàng          | Minh   |    | Tp. Hồ Chí Minh       |
| 23  | 12A06 | Nguyễn Quang          | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 24  | 12A06 | Trương Võ Yến         | Ngân   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 25  | 12A06 | Nguyễn Bảo            | Ngọc   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 26  | 12A06 | Võ Huỳnh Kim          | Ngọc   | x  | Trà Vinh              |
| 27  | 12A06 | Lê Ngọc Phương        | Nguyên | x  | Bạc Liêu              |
| 28  | 12A06 | Nguyễn Trần           | Nguyên |    | Bình Định             |
| 29  | 12A06 | Trần Nguyễn Thảo      | Nhi    | x  | Gia Lai               |
| 30  | 12A06 | Chung Yến             | Nhi    | x  | Bình Thuận            |
| 31  | 12A06 | Phan Hoàng Tổ         | Như    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 32  | 12A06 | Huỳnh Hào             | Phát   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 33  | 12A06 | Trần Ngọc Mai         | Phương | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 34  | 12A06 | Nguyễn Hà Trúc        | Phương | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 35  | 12A06 | Hồ Kiến               | Quốc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 36  | 12A06 | Cao Thảo              | Quỳnh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 37  | 12A06 | Nguyễn Lương Hòa      | Thắng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 38  | 12A06 | Nguyễn Bá             | Thông  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 39  | 12A06 | Nguyễn Hoàng Bảo      | Thư    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 40  | 12A06 | Trần Minh             | Thư    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 41  | 12A06 | Nguyễn Ngọc Bảo       | Trần   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 42  | 12A06 | Trương Hoàng Ngọc     | Tú     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 43  | 12A06 | Hoàng                 | Việt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 44  | 12A06 | Hà Khánh              | Vy     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 45  | 12A06 | An Thuý               | Vy     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 46  | 12A06 | Nguyễn Thành          | Ý      |    | Thành phố Hồ Chí Minh |



Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh  
**TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI**

**DANH SÁCH HỌC SINH  
NĂM HỌC 2023 - 2024**

**LỚP: 12A07**

| STT | Lớp   | Họ và lót         | Tên    | Nữ | Nơi sinh              |
|-----|-------|-------------------|--------|----|-----------------------|
| 1   | 12A07 | Nguyễn Khánh      | An     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 2   | 12A07 | Chu Văn           | An     |    | Hưng Yên              |
| 3   | 12A07 | Bùi Phương        | Anh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4   | 12A07 | Trần Trương Thanh | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 5   | 12A07 | Huỳnh Ngọc Bảo    | Châu   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6   | 12A07 | Nguyễn Lê         | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 7   | 12A07 | Nguyễn Hồng       | Đăng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 8   | 12A07 | Nguyễn Hồng Bảo   | Hân    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 9   | 12A07 | Mai Lê Gia        | Hân    | x  | Khánh Hòa             |
| 10  | 12A07 | Bùi Khánh         | Hân    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11  | 12A07 | Bùi Đức           | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 12  | 12A07 | Nguyễn Hải Gia    | Hung   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 13  | 12A07 | Nguyễn Minh       | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 14  | 12A07 | Lê Ngọc Mai       | Khanh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 15  | 12A07 | Hà Vũ Vân         | Khánh  | x  | Hà Nội                |
| 16  | 12A07 | Lương Nguyễn Minh | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 17  | 12A07 | Hồ Sơn            | Lâm    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 18  | 12A07 | Đào Nguyên Khánh  | Linh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 19  | 12A07 | Phan Thành        | Lộc    |    | Quảng Nam             |
| 20  | 12A07 | Nguyễn Cát Khánh  | Minh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 21  | 12A07 | Trần Đình Quang   | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 22  | 12A07 | Đào Bảo           | Ngọc   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 23  | 12A07 | Trần Hà Khôi      | Nguyên |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 24  | 12A07 | Lý Gia            | Nhi    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 25  | 12A07 | Phan Nguyễn Yến   | Nhi    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 26  | 12A07 | Thăng Mỹ          | Nhung  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 27  | 12A07 | Cao Ngọc Quỳnh    | Như    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 28  | 12A07 | Lê Thị Hà         | Phương | x  | Thanh Hóa             |
| 29  | 12A07 | Nguyễn Thu        | Phương | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 30  | 12A07 | Lê Minh           | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 31  | 12A07 | Nguyễn Võ Thúy    | Quỳnh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 32  | 12A07 | Đặng Thái         | Thanh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 33  | 12A07 | Nguyễn Tiến       | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 34  | 12A07 | Nguyễn Minh       | Thư    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 35  | 12A07 | Trần Mỹ           | Tiên   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 36  | 12A07 | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Trâm   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 37  | 12A07 | Vũ Anh            | Tú     |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 38  | 12A07 | Ngô Phương        | Vi     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 39  | 12A07 | Phạm Hà Thanh     | Vy     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |



Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh  
**TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI**

**DANH SÁCH HỌC SINH  
NĂM HỌC 2023 - 2024**

**LỚP: 12A08**

| STT | Lớp   | Họ và lót           | Tên    | Nữ | Nơi sinh              |
|-----|-------|---------------------|--------|----|-----------------------|
| 1   | 12A08 | Nguyễn Hoàng        | An     |    | Gia Lai               |
| 2   | 12A08 | Trần Phương Quỳnh   | Anh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 3   | 12A08 | Nguyễn Thảo         | Anh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4   | 12A08 | Trần Thùy           | Anh    | x  |                       |
| 5   | 12A08 | Nguyễn Thiên        | Ân     |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6   | 12A08 | Lã Mạnh             | Dũng   |    | Thành phố Hà Nội      |
| 7   | 12A08 | Nguyễn Chương Kỳ    | Duyên  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 8   | 12A08 | Bùi Trần            | Đoàn   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 9   | 12A08 | Nguyễn Ngọc Thái    | Hân    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 10  | 12A08 | Phạm Khải           | Hoàn   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11  | 12A08 | Đoàn Gia            | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 12  | 12A08 | Huỳnh Gia           | Khang  |    | Khánh Hòa             |
| 13  | 12A08 | Phạm Hồ Hồng        | Khanh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 14  | 12A08 | Võ Ngọc Gia         | Khánh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 15  | 12A08 | Châu Minh           | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 16  | 12A08 | Lê Nguyên           | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 17  | 12A08 | Nguyễn An Ngọc      | Lân    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 18  | 12A08 | Hoàng Khánh         | Liên   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 19  | 12A08 | Lê Ngọc Xuân        | Mai    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 20  | 12A08 | Nguyễn Phúc         | Minh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 21  | 12A08 | Nguyễn Huỳnh Phương | Nghi   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 22  | 12A08 | Vũ Nguyễn Ánh       | Ngọc   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 23  | 12A08 | Nguyễn Hoàng Nam    | Nhật   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 24  | 12A08 | Nguyễn Trần Bảo     | Nhi    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 25  | 12A08 | Ôn Tịnh             | Nhi    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 26  | 12A08 | Nguyễn Ngọc Phương  | Như    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 27  | 12A08 | Trần Thiên          | Phúc   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 28  | 12A08 | Đặng Thy            | Phương | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 29  | 12A08 | Nguyễn Thanh Trúc   | Phương | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 30  | 12A08 | Nguyễn Duy Thành    | Tài    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 31  | 12A08 | Huỳnh Thanh Tất     | Thắng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 32  | 12A08 | Nguyễn Hoàng        | Thụy   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 33  | 12A08 | Trần Ngọc Anh       | Thư    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 34  | 12A08 | Nguyễn Thanh        | Trang  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 35  | 12A08 | Nguyễn Bảo          | Trân   | x  | Đà Nẵng               |
| 36  | 12A08 | Nguyễn Minh         | Uyên   | x  | Quảng Ngãi            |
| 37  | 12A08 | Bùi Phạm Thành      | Vinh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 38  | 12A08 | Trần Huỳnh Khánh    | Vy     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 39  | 12A08 | Phan Ngọc Như       | Ý      | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |



Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh  
**TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI**

**DANH SÁCH HỌC SINH**  
**NĂM HỌC 2023 - 2024**

**LỚP: 12A09**

| STT | Lớp   | Họ và lót          | Tên   | Nữ | Nơi sinh              |
|-----|-------|--------------------|-------|----|-----------------------|
| 1   | 12A09 | Nguyễn Vũ Quỳnh    | Anh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 2   | 12A09 | Trần Văn           | Anh   | x  | Kiên Giang            |
| 3   | 12A09 | Nguyễn Phúc        | Bảo   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4   | 12A09 | Huỳnh Quốc         | Bảo   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 5   | 12A09 | Nguyễn Lê Hải      | Bình  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6   | 12A09 | Bùi Đoàn Thiên     | Đức   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 7   | 12A09 | Phạm Võ Trí        | Đức   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 8   | 12A09 | Lê Dương Quỳnh     | Giang | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 9   | 12A09 | Hà Lê Ngọc         | Hân   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 10  | 12A09 | Trần Mai Ngọc      | Hân   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11  | 12A09 | Châu Quang         | Khải  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 12  | 12A09 | Thái Hoàng         | Khang |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 13  | 12A09 | Nguyễn Ngọc Phương | Khanh | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 14  | 12A09 | Ngô Ngọc Bảo       | Khánh | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 15  | 12A09 | Hồ Minh            | Khoa  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 16  | 12A09 | Nguyễn Đoàn        | Khôi  |    | Đà Nẵng               |
| 17  | 12A09 | Trần Trịnh Mỹ      | Linh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 18  | 12A09 | Thái Nguyên        | Linh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 19  | 12A09 | Nguyễn Thanh       | Nhân  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 20  | 12A09 | Lâm Tuấn           | Nhân  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 21  | 12A09 | Cung Vũ Uyên       | Nhi   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 22  | 12A09 | Nguyễn Tấn         | Phát  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 23  | 12A09 | Phạm Anh           | Quân  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 24  | 12A09 | Nguyễn Đức Minh    | Quân  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 25  | 12A09 | Lê Minh            | Quân  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 26  | 12A09 | Nguyễn Ngọc Vũ     | Tâm   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 27  | 12A09 | Trần Nguyễn Minh   | Thùy  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 28  | 12A09 | Lý Kim             | Thư   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 29  | 12A09 | Quách Mỹ           | Tiên  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 30  | 12A09 | Huỳnh Hoàng        | Tín   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 31  | 12A09 | Hà Thanh           | Tina  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 32  | 12A09 | Hà Lê Vân          | Trang | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 33  | 12A09 | Trần Cao           | Trí   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 34  | 12A09 | Phan Vũ Đức        | Trung |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 35  | 12A09 | Phạm Minh          | Tuấn  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |

| STT | Lớp   | Họ và lót          | Tên    | Nữ | Nơi sinh              |
|-----|-------|--------------------|--------|----|-----------------------|
| 1   | 12A10 | Trịnh Hoàng Phương | An     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 2   | 12A10 | Lê Bảo             | Anh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 3   | 12A10 | Nguyễn Ngọc Phương | Anh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4   | 12A10 | Nguyễn Thị Phương  | Anh    | x  | Bắc Ninh              |
| 5   | 12A10 | Trần Vũ Quỳnh      | Anh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6   | 12A10 | Nguyễn Trâm        | Anh    | x  | Hà Nội                |
| 7   | 12A10 | Bùi Long           | Đức    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 8   | 12A10 | Từ Gia             | Hân    | x  | Khánh Hòa             |
| 9   | 12A10 | Nguyễn Phạm Ngọc   | Hoa    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 10  | 12A10 | Võ Nhật            | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11  | 12A10 | Bùi Nguyễn Thiên   | Khanh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 12  | 12A10 | Trần Hoàng         | Kim    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 13  | 12A10 | Hồ Thanh           | Lâm    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 14  | 12A10 | Trần Cao Khánh     | Linh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 15  | 12A10 | Nguyễn Tổ          | Linh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 16  | 12A10 | Nguyễn Công        | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 17  | 12A10 | Nguyễn Ngọc Uyên   | My     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 18  | 12A10 | Nguyễn Hoàng Kim   | Ngân   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 19  | 12A10 | Võ Lâm Gia         | Nghi   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 20  | 12A10 | Trịnh Bảo          | Ngọc   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 21  | 12A10 | Nguyễn Trần Bích   | Ngọc   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 22  | 12A10 | Nguyễn Hoàng Khánh | Ngọc   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 23  | 12A10 | Nguyễn Ngọc Bảo    | Nhi    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 24  | 12A10 | Lê Phương          | Nhi    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 25  | 12A10 | Nguyễn Ngọc Yến    | Nhi    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 26  | 12A10 | Quách Tâm          | Như    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 27  | 12A10 | Nguyễn Mai         | Phương | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 28  | 12A10 | Phạm Minh          | Phương | x  | Hà Nội                |
| 29  | 12A10 | Nguyễn Hoàng Nhật  | Quyên  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 30  | 12A10 | Trần Thị Minh      | Tâm    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 31  | 12A10 | Lương Tổ           | Thái   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 32  | 12A10 | Trịnh Lê Thanh     | Thảo   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 33  | 12A10 | Võ Nguyễn Phương   | Thùy   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 34  | 12A10 | Ngô Cát Anh        | Thư    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 35  | 12A10 | Nguyễn Anh         | Thư    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 36  | 12A10 | Nguyễn Bảo         | Tiên   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 37  | 12A10 | Biện Diệu Bảo      | Trân   | x  | Đà Nẵng               |
| 38  | 12A10 | Phạm Ngọc Vân      | Uyên   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 39  | 12A10 | Ngô Nguyễn Mai     | Vân    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 40  | 12A10 | Trần Thuý          | Vy     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |

| STT | Lớp   | Họ và lót         | Tên       | Nữ | Nơi sinh              |
|-----|-------|-------------------|-----------|----|-----------------------|
| 1   | 12A11 | Bùi Chiêu         | Anh       | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 2   | 12A11 | Lê Nguyễn Hoài    | Anh       | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 3   | 12A11 | Đỗ Nhật           | Anh       |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4   | 12A11 | Trần Phương       | Anh       | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 5   | 12A11 | Trần Quỳnh        | Anh       | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6   | 12A11 | Trần Gia          | Bảo       | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 7   | 12A11 | Bùi Trí           | Đức       |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 8   | 12A11 | Lê Đoàn Gia       | Hân       | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 9   | 12A11 | Nguyễn Ngọc Bảo   | Hoàn      | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 10  | 12A11 | Trương Gia        | Hung      |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11  | 12A11 | Đào Ngọc Vân      | Khanh     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 12  | 12A11 | Lê Minh Hoàng     | Khánh     | x  | Tp. Hồ Chí Minh       |
| 13  | 12A11 | Bùi Ngọc Sao      | Khuê      | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 14  | 12A11 | Hồ Lê Khánh       | Linh      | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 15  | 12A11 | Tất Nguyệt        | Linh      | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 16  | 12A11 | Nguyễn Tiến       | Lộc       |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 17  | 12A11 | Nguyễn Thiên      | Ngân      | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 18  | 12A11 | Phan Thanh Bảo    | Ngọc      | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 19  | 12A11 | Trịnh Thị Bảo     | Ngọc      | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 20  | 12A11 | Bùi Khánh         | Ngọc      | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 21  | 12A11 | Trương Lê Thành   | Nhân      |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 22  | 12A11 | Tô Ngọc Bảo       | Nhi       | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 23  | 12A11 | Vũ Yến            | Nhi       | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 24  | 12A11 | Tôn Nữ Trúc       | Nhiên     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 25  | 12A11 | Đỗ Lê Uyên        | Phương    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 26  | 12A11 | Đặng Lê Hồng      | Quyên     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 27  | 12A11 | Nguyễn Tấn        | Sang      |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 28  | 12A11 | Lê Ngọc Thanh     | Thảo      | x  | Đồng Nai              |
| 29  | 12A11 | Liên Hoa          | Thiên     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 30  | 12A11 | Nguyễn Khánh Anh  | Thư       | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 31  | 12A11 | Trương Vũ Anh     | Thư       | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 32  | 12A11 | Nguyễn Phạm Bảo   | Trâm      | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 33  | 12A11 | Võ Ngọc Huỳnh     | Trâm      | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 34  | 12A11 | Võ Ngọc Huỳnh     | Trân      | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 35  | 12A11 | Lê Nguyễn Thái    | Uyên      | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 36  | 12A11 |                   | Veminachi | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 37  | 12A11 | Nguyễn Ngọc Mai   | Vy        | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 38  | 12A11 | Nguyễn Võ Tuyết   | Vy        | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 39  | 12A11 | Nguyễn Như        | Ý         | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 40  | 12A11 | Trần Nguyễn Thiên | Ý         | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |



Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh  
**TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI**

**DANH SÁCH HỌC SINH  
NĂM HỌC 2023 - 2024**

**LỚP: 12A12**

| STT | Lớp   | Họ và lót         | Tên    | Nữ | Nơi sinh              |
|-----|-------|-------------------|--------|----|-----------------------|
| 1   | 12A12 | Nguyễn Hoàng Bảo  | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 2   | 12A12 | Lý Huỳnh Phương   | Anh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 3   | 12A12 | Phạm Huỳnh Phương | Anh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4   | 12A12 | Nguyễn Phan Trâm  | Anh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 5   | 12A12 | Lê Nguyễn Thúy    | Hằng   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6   | 12A12 | Nguyễn Ngọc       | Hân    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 7   | 12A12 | Trần Đăng Minh    | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 8   | 12A12 | Phạm Tuấn         | Hưng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 9   | 12A12 | Phan Đỗ Quỳnh     | Hương  | x  | Đồng Tháp             |
| 10  | 12A12 | Hồ Trung          | Kiên   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11  | 12A12 | Nguyễn Bách       | Kỳ     |    | Hà Nội                |
| 12  | 12A12 | Lê Bảo            | Linh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 13  | 12A12 | Trần Khánh        | Linh   | x  | Bắc Ninh              |
| 14  | 12A12 | Nguyễn Bảo        | Long   |    |                       |
| 15  | 12A12 | Phạm Hồng         | Mai    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 16  | 12A12 | Lê Vũ Ánh         | Minh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 17  | 12A12 | Hoàng Ngọc Bình   | Minh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 18  | 12A12 | Nguyễn Ngọc Thu   | Ngân   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 19  | 12A12 | Huỳnh Phương      | Nghi   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 20  | 12A12 | Đinh Bảo          | Ngọc   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 21  | 12A12 | Phạm Bảo          | Ngọc   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 22  | 12A12 | Nguyễn Hữu Khánh  | Ngọc   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 23  | 12A12 | Nguyễn Thị Khánh  | Ngọc   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 24  | 12A12 | Vũ Gia            | Nguyên |    | Hà Nội                |
| 25  | 12A12 | Ngô Huyền         | Nhi    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 26  | 12A12 | Chung Ngọc Vân    | Nhi    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 27  | 12A12 | Nguyễn Thùy       | Như    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 28  | 12A12 | Lê Khánh          | Phương | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 29  | 12A12 | Lê Đoàn Nam       | Phương | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 30  | 12A12 | Hoàng Minh        | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 31  | 12A12 | Văn Hoàng         | Sơn    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 32  | 12A12 | Đỗ Quế            | Thanh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 33  | 12A12 | Nguyễn Ngọc Thanh | Thảo   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 34  | 12A12 | Dương Ngọc Thanh  | Thiên  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 35  | 12A12 | Nguyễn Thái Minh  | Thư    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 36  | 12A12 | Lê Anh            | Thy    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 37  | 12A12 | Lê Phúc Cát       | Tiên   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 38  | 12A12 | Phạm Nguyễn Quế   | Trâm   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 39  | 12A12 | Trịnh Trần Minh   | Trung  |    | Tp. Hồ Chí Minh       |
| 40  | 12A12 | Đặng Nguyễn Kim   | Tú     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 41  | 12A12 | Huỳnh Phạm Nghi   | Văn    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 42  | 12A12 | Trương Ngọc Thảo  | Vy     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 43  | 12A12 | Hồ Ngọc Như       | Ý      | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |

| STT | Lớp   | Họ và lót          | Tên    | Nữ | Nơi sinh              |
|-----|-------|--------------------|--------|----|-----------------------|
| 1   | 12A13 | Lê Hoàng Nhật      | Anh    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 2   | 12A13 | Vương Thực         | Dân    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 3   | 12A13 | Đặng Bội           | Doanh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4   | 12A13 | Trần Kim Xuân      | Đào    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 5   | 12A13 | Quang Tất          | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6   | 12A13 | Phạm Đức Châu      | Giang  | x  | Hà Nội                |
| 7   | 12A13 | Trần Trường        | Giang  |    | Hà Nội                |
| 8   | 12A13 | Phạm Tường         | Hải    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 9   | 12A13 | Lâm Gia            | Hân    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 10  | 12A13 | Trần               | Hoàn   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11  | 12A13 | Nguyễn Cao         | Hùng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 12  | 12A13 | Vĩnh Gia           | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 13  | 12A13 | Phan Phúc          | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 14  | 12A13 | Lê Hoàng Quốc      | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 15  | 12A13 | Hồ Đăng            | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 16  | 12A13 | Trần Hoàng Minh    | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 17  | 12A13 | Hoàng Nguyễn Anh   | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 18  | 12A13 | Võ Minh            | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 19  | 12A13 | Bùi Trần Minh      | Khuê   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 20  | 12A13 | Võ Trương Khánh    | Linh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 21  | 12A13 | Nguyễn Thái Hoàng  | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 22  | 12A13 | Trần Hoàng Bảo     | Ngọc   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 23  | 12A13 | Nguyễn Khánh       | Ngọc   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 24  | 12A13 | Nguyễn Trương Diệu | Nguyên | x  | Đắk Lắk               |
| 25  | 12A13 | Chung Huỳnh Ngọc   | Nhi    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 26  | 12A13 | Mai Cẩm            | Như    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 27  | 12A13 | Tăng Quỳnh Khánh   | Như    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 28  | 12A13 | Dương Âu Quỳnh     | Như    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 29  | 12A13 | Trương Tâm         | Như    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 30  | 12A13 | Phạm Thùy          | Nương  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 31  | 12A13 | Trần Huỳnh Mai     | Phương | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 32  | 12A13 | Phạm Minh          | Tài    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 33  | 12A13 | Lê Trường Minh     | Tân    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 34  | 12A13 | Nguyễn Chí         | Thành  |    | Thành phố Hà Nội      |
| 35  | 12A13 | Trần Thị Thanh     | Thảo   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 36  | 12A13 | Bùi Ngọc Hà        | Thy    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 37  | 12A13 | Nguyễn Lê Bảo      | Trân   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 38  | 12A13 | Trần Ngọc Nam      | Trân   | x  | Đà Nẵng               |
| 39  | 12A13 | Đặng Thùy Thanh    | Trúc   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 40  | 12A13 | Ngô Thảo           | Vi     | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |



Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh  
**TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI**

**DANH SÁCH HỌC SINH  
NĂM HỌC 2023 - 2024**

**LỚP: 12P01**

| STT | Lớp   | Họ và lót          | Tên   | Nữ | Nơi sinh              |
|-----|-------|--------------------|-------|----|-----------------------|
| 1   | 12P01 | Nguyễn Lộc Khánh   | An    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 2   | 12P01 | Đặng Gia           | Bảo   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 3   | 12P01 | Phạm Khải          | Ca    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4   | 12P01 | Lê Quan            | Định  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 5   | 12P01 | Nguyễn Thanh       | Hà    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6   | 12P01 | Lý Vĩnh            | Hải   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 7   | 12P01 | Nguyễn Ngọc Phương | Hạnh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 8   | 12P01 | Huỳnh Quốc         | Hào   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 9   | 12P01 | Huỳnh Gia Bảo      | Hân   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 10  | 12P01 | Lê Minh            | Hiền  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11  | 12P01 | Ngô Minh           | Hoàng |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 12  | 12P01 | Hoàng Minh         | Huy   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 13  | 12P01 | Phan Nguyễn Đăng   | Khoa  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 14  | 12P01 | Trương Anh         | Kiệt  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 15  | 12P01 | Lý Hiền            | Long  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 16  | 12P01 | Trương Thanh       | Mai   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 17  | 12P01 | Trần Huệ           | Mẫn   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 18  | 12P01 | Trần Ngọc Thiên    | Minh  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 19  | 12P01 | Trương Ngọc Kim    | Ngân  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 20  | 12P01 | Đào Ngọc Phương    | Nghi  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 21  | 12P01 | Võ Thành           | Nhân  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 22  | 12P01 | Võ Nguyễn Xuân     | Nhi   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 23  | 12P01 | Trương Minh        | Như   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 24  | 12P01 | Thái Huỳnh Đăng    | Quang |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 25  | 12P01 | Trương Như Ngọc    | Quý   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 26  | 12P01 | Đinh Lệ            | Quyên | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 27  | 12P01 | Bùi Thanh          | Tâm   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 28  | 12P01 | Nguyễn Hoàng Minh  | Thi   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 29  | 12P01 | Lý Ngọc            | Thư   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 30  | 12P01 | Nguyễn Ngọc Tuệ    | Thư   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 31  | 12P01 | Nguyễn Tiến        | Vinh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 32  | 12P01 | Nguyễn Đặng Khánh  | Vy    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 33  | 12P01 | Đoàn Lê Thảo       | Vy    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |

| STT | Lớp   | Họ và lót          | Tên   | Nữ | Nơi sinh              |
|-----|-------|--------------------|-------|----|-----------------------|
| 1   | 12P02 | Nguyễn Phạm Xuân   | An    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 2   | 12P02 | Cao Việt           | Anh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 3   | 12P02 | Nguyễn Hoàng Gia   | Bảo   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4   | 12P02 | Thái Gia           | Hân   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 5   | 12P02 | Nguyễn Trọng       | Hiếu  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6   | 12P02 | Nguyễn Phương Nhật | Hoàng |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 7   | 12P02 | Nguyễn Khang       | Huy   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 8   | 12P02 | Võ Ngọc Phi        | Khanh | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 9   | 12P02 | Nguyễn Anh         | Khoa  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 10  | 12P02 | Nguyễn Quỳnh Minh  | Khuê  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11  | 12P02 | Trần Tuấn          | Kiệt  |    | Liên Bang Nga         |
| 12  | 12P02 | Phạm Nguyễn Hoàng  | Lam   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 13  | 12P02 | Huỳnh Tây          | Long  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 14  | 12P02 | Huỳnh Bửu          | Lộc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 15  | 12P02 | Bùi Trần Nhật      | Minh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 16  | 12P02 | Nguyễn Phan Thảo   | My    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 17  | 12P02 | Phạm Bảo           | Ngọc  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 18  | 12P02 | Trương Như Trí     | Nhân  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 19  | 12P02 | Nguyễn Bùi Phương  | Như   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 20  | 12P02 | Điền Hà Bảo        | Phúc  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 21  | 12P02 | Ngô Hồng Như       | Phúc  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 22  | 12P02 | Nguyễn Phú         | Quý   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 23  | 12P02 | Nguyễn Thanh       | Tâm   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 24  | 12P02 | Vũ Nguyên Ngọc     | Thư   | x  | Đồng Nai              |
| 25  | 12P02 | Trần Nguyễn Thanh  | Thư   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 26  | 12P02 | Đoàn Văn           | Tiến  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 27  | 12P02 | Trần Võ Quốc       | Toàn  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 28  | 12P02 | Đoàn Trần Bảo      | Trâm  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 29  | 12P02 | Nguyễn Huỳnh Bảo   | Trân  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 30  | 12P02 | Phạm Minh          | Trí   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 31  | 12P02 | Phùng Tuyết        | Trinh | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 32  | 12P02 | Vũ Anh             | Tuấn  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 33  | 12P02 | Nguyễn Hồng Khánh  | Vy    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |



Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh  
**TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI**

**DANH SÁCH HỌC SINH  
NĂM HỌC 2023 - 2024**

**LỚP: 12TH**

| STT | Lớp  | Họ và lót        | Tên    | Nữ | Nơi sinh              |
|-----|------|------------------|--------|----|-----------------------|
| 1   | 12TH | Chu Chí          | Cao    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 2   | 12TH | Nguyễn Hoài Duy  | Đại    |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 3   | 12TH | Lâm Thiên Gia    | Hân    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4   | 12TH | Từ Quốc          | Khải   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 5   | 12TH | Lê Nguyên Thiên  | Kim    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6   | 12TH | Trịnh Khánh      | Linh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 7   | 12TH | Trần Nguyễn Thùy | Linh   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 8   | 12TH | Nguyễn Hồ Minh   | Luân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 9   | 12TH | Phạm Quốc        | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 10  | 12TH | Nguyễn Tuấn      | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11  | 12TH | Tạ Bảo           | Ngọc   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 12  | 12TH | Trần Đoàn Uyên   | Nhi    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 13  | 12TH | Bùi Lam          | Phương | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 14  | 12TH | Dương Anh        | Quang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 15  | 12TH | Vũ Hồng          | Thái   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 16  | 12TH | Nguyễn Lê Quỳnh  | Thơ    | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 17  | 12TH | Huỳnh Sơn Anh    | Tuấn   |    | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 18  | 12TH | Trần Minh        | Tường  | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 19  | 12TH | Nguyễn Ngọc Ánh  | Xuân   | x  | Thành phố Hồ Chí Minh |